

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/DS-ST
Ngày 31 – 7 – 2025
V/v tranh chấp BTTH về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Sào L, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tạ Văn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp Sào L, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn L cùng ông Tạ Văn N sinh sống cùng địa phương và có nhà, đất tiếp giáp liền kề với nhau. Vào khoảng 04 giờ 15 phút ngày 19/11/2024, ông L phát hiện nước tràn vào nhà nên đi lên bờ đất vuông nuôi tôm tiếp giáp với bờ đất vuông của ông N xem thì phát hiện bờ đất vuông của ông N cặp ranh bị triều cường dâng làm bể hai đoạn bờ, mỗi đoạn bị bể khoảng 03m, chiều sâu khoảng 01 mét dẫn đến nước tràn vào vuông nuôi tôm và tràn vào nhà làm thiệt hại đến tài sản của ông L gồm: Hư hai cái tủ lạnh phải, đồ vật dụng trong gia đình trị giá sửa chữa tất cả là 3.200.000 đồng, 400.000 con tôm giống mới thả nuôi được 17 ngày trị giá 10.000.000 đồng và 20.000 con cua giống thả cùng ngày thả tôm nuôi trị giá 5.000.000 đồng. Tổng các khoản thiệt hại có trị giá là 18.200.000 đồng (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) nên ông L căn cứ vào toa vé thực tế đã sửa chữa, đã mua con giống với số tiền nêu trên để yêu cầu Tòa án buộc ông N bồi thường thiệt hại, không yêu cầu thẩm định giá trị tài sản nhưng tại phiên tòa, ông L thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại với số tiền 9.000.000 đồng, không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông N cho rằng phần đất vuông của ông có đường bờ đất tiếp giáp với đề phòng hộ và đường bờ đất tiếp giáp với bờ đất vuông của ông L, sự việc triều cường dâng làm bể bờ vuông và được chính quyền địa phương lập biên bản ngày 19/11/2024 là đúng, do thủy triều dâng đã làm bể một đoạn bờ đất vuông giáp ranh với ông L làm nước tràn vào vuông nuôi tôm của ông, tràn vào vuông tôm và nhà của ông L là có thật nhưng thiệt hại xảy ra cả ông cùng ông L đều bị thiệt hại, ông cũng có một phần lỗi dẫn đến việc nước tràn vào vuông nhưng lỗi này là ngoài ý muốn của ông, không phải do ông trực tiếp gây ra bởi việc thủy triều dâng ông không hay biết trước được. Tại tòa, ông L yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 9.000.000 đồng, ông không đồng ý vì không có khả năng bồi thường theo yêu cầu của ông L và chỉ đồng ý bồi thường cho ông L số tiền 5.000.000 đồng. Riêng việc sửa chữa tài sản và mua con giống của ông L, ông không có ý kiến gì nên ông không yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản lập ngày 19/11/2024 của xã Nguyễn Việt Khái thể hiện: Sự việc triều cường dâng làm phía mặt tiền nhà nguyên đơn có nước tràn ngang lộ có đoạn chiều dài khoảng 10m, chiều sâu khoảng 10cm và có đoạn chiều ngang khoảng 50cm, chiều sâu khoảng 20cm; Phần bờ đất vuông tôm của nguyên đơn giáp ranh với bị đơn bị nước tràn và bể hai đoạn có chiều dài khoảng 6m, chiều sâu khoảng 30 – 40cm làm ngập vuông nuôi tôm của cả nguyên, bị đơn và nước tràn vào nhà nguyên đơn gây thiệt hại tài sản gồm tủ lạnh cùng vật dụng sinh hoạt trong gia đình và tôm, cua giống thả nuôi trong vuông là có thật, được các đương sự thừa nhận, được chính quyền địa phương lập biên bản nên không phải chứng minh. Mặc dù, thiệt hại thực tế đã xảy ra và nguyên đơn có yêu cầu bị đơn bồi thường nhưng bị đơn không đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với lý do không có khả năng bồi thường từ đó giữa các đương sự xảy ra tranh chấp nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn thừa nhận phần đất vuông của bị đơn có đường bờ đất tiếp giáp với đề phòng hộ, hàng năm vào thời điểm khoảng tháng 10, 11 âm lịch triều cường thường dâng cao dẫn đến nước ngập tràn vào vuông nuôi tôm nhưng bị đơn chỉ be, đắp đường bờ đất mà không có biện pháp gia cố bờ đất vuông kiên cố để hạn chế việc nước dâng tràn vào vuông nuôi tôm dẫn đến sự việc nước dâng tràn vào vuông bị đơn và tràn gây vỡ bờ vuông của nguyên đơn vào ngày 19/11/2024, hiện bị đơn đã khắc phục lại đoạn bờ bị vỡ nên các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ là có cơ sở. Tuy triều cường dâng là sự kiện bất khả kháng, không ai mong muốn nhưng thực tế thiệt hại đã xảy ra cho cả nguyên và bị đơn, bị đơn cũng thừa nhận mình có phần lỗi nên bị đơn phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần lỗi do mình gây ra.

[2.1] Hơn nữa, tại biên bản ngày 19/11/2024, bị đơn đồng ý trả tiền tôm, cua giống cho nguyên đơn là 15.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày, cụ thể: Từ ngày 19/11/2024 đến ngày 05/12/2024, trả số tiền 7.500.000 đồng; Ngày 05/3/2025, sẽ trả số tiền 7.500.000 đồng còn lại. Riêng chi phí sửa xe và sửa đồ gia dụng phát sinh bao nhiêu thì bị đơn cũng thanh toán đủ cho nguyên đơn. Sau đó, bị đơn có

đơn yêu cầu gửi chính quyền địa phương xin giảm bớt tiền bồi thường thiệt hại và tại biên bản hoà giải ngày 27/11/2024, bị đơn xin giảm tiền bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn xuống còn 5.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ đồng ý giảm số tiền bồi thường là 7.500.000 đồng. Do không thỏa thuận được nên nguyên đơn khởi kiện và tại biên bản hoà giải ngày 14/01/2025, 20/3/2025 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân (nay là Toà án khu vực 3 – Cà Mau) thì bị đơn đều thừa nhận có một phần lỗi nhưng chỉ đồng ý bồi thường cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng, riêng nguyên đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, với diễn biến sự việc xảy ra từ khi chính quyền địa phương lập biên bản đến khi đình chỉ giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn xác định có một phần lỗi gây ra thiệt hại cho nguyên đơn và chỉ đồng ý bồi thường một phần thiệt hại do bị đơn không có khả năng bồi thường chứ không chối bỏ trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn nên việc bị đơn cho rằng thời điểm chính quyền địa phương lập biên bản vào ngày 19/11/2024, bị đơn vì phải lo chống ngập, không kịp suy nghĩ đã ký vào biên bản mà không nghe rõ việc cán bộ đọc nội dung bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là chưa có căn cứ để chấp nhận bởi trước, trong và sau khi sự việc xảy ra cho đến tại phiên tòa, chưa có chứng cứ nào thể hiện bị đơn bị cơ quan có thẩm quyền kết luận hay ra phán quyết bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đồng ý bồi thường tại biên bản ngày 19/11/2024 là do ép buộc, trái với ý chí của bị đơn.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại, các tài sản bị thiệt hại mà nguyên đơn đã sửa chữa, khắc phục gồm: Chi phí rửa xe, thay nhớt xe do nước ngập (nguyên đơn nhận giữ xe khách trong nhà) với số tiền 2.880.000 đồng; chi phí sửa hai tủ lạnh 1.850.000 đồng, thuê người giặt giũ các vật dụng trong gia đình với số tiền 1.000.000 đồng. Các chi phí này, các đương sự thừa nhận là có và thống nhất tính theo toa vé mà không yêu cầu định giá là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu bị đơn bồi thường chi phí rửa xe, thay nhớt xe nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về con giống là tôm, cua thả nuôi với số tiền 15.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ bởi lẽ trong biên bản lập ngày 19/11/2024 không thể hiện số lượng tôm, cua bị thiệt hại lại bao nhiêu, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số lượng tôm, cua giống nguyên đơn thả nuôi do nước tràn vào vuông bị thiệt hại hoàn toàn trong khi nước tràn cũng gây thiệt hại cho bị đơn và thiệt hại này một phần do sự kiện bất khả kháng, không phải lỗi hoàn toàn của bị đơn.

[3] Mặc dù, nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại với số tiền 9.000.000 đồng nhưng với phân tích, đánh giá tại [1], [2], [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn các khoản với tổng số tiền 7.500.000 đồng (trong đó tiền sửa chữa hai tủ lạnh theo toa vé là 1.850.000 đồng, tiền thuê người giặt giũ các vật dụng trong gia đình với số tiền 1.000.000 đồng và tiền tôm, cua bị thiệt hại là 4.650.000 đồng) là phù hợp.

Như vậy, phần chênh lệch nguyên đơn yêu cầu bồi thường không được chấp nhận với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu và nguyên đơn phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, do các đương sự là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử xét cho các đương sự được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 584, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Tạ Văn N bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, ông N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc kiện đòi ông Tạ Văn N bồi thường số tiền chênh lệch là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L và ông Tạ Văn N được xét miễn nộp theo quy định.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân